

## **FORB / NORFORB – BẢN TIẾNG VIỆT**

### **8**

#### **Những giới hạn của Tự do Tôn giáo hay Tín ngưỡng**

Bạn đã xem qua tin tức hay nhờ kinh nghiệm sống và biết rằng nhiều chính quyền áp đặt những giới hạn cho tự do tôn giáo hay tín ngưỡng. Họ biện luận rằng họ cần phải giới hạn các biểu đạt tôn giáo vì lý do này hay lý do khác. Như vậy, làm sao chúng ta biết được những giới hạn nào chính đáng, chấp nhận được và giới hạn nào thì không thể chấp nhận ?

Luật nhân quyền quốc tế nói rằng quyền có, chọn lựa, thay đổi hay rời bỏ một tôn giáo hay tín ngưỡng là tuyệt đối – chẳng bao giờ bị giới hạn. Trái lại, quyền bày tỏ tôn giáo hay tín ngưỡng có thể bị giới hạn, chỉ khi nào làm theo bốn quy tắc sau đây:

1. Bất cứ giới hạn nào đều phải do pháp luật quy định.

Mục đích ở đây là ngăn chặn nhà nước, cảnh sát và các toà án hành động khó lường hay mâu thuẫn.

2. Cần thiết giới hạn để bảo đảm an toàn công cộng, trật tự công cộng, sức khoẻ hay đạo đức, hoặc các quyền và tự do của người khác.

Điều này quan trọng. Áp đặt một giới hạn vì cần thiết cho sự bảo vệ người khác rất khác với sự chọn lựa các giới hạn căn cứ vào chuyện kiểm phiếu.

3. Các giới hạn không thể mang tính chất phân biệt đối xử.

4. Và bất cứ giới hạn nào phải cân xứng với vấn đề nảy sinh từ sự bày tỏ tín ngưỡng.

Các điều luật này hết sức quan trọng. Không có nó, các chính quyền sẽ giới hạn bất cứ việc gì, nhóm nào hay sự thực hành mà họ không ưa thích. Các giới hạn phải được xem như phương sách cuối, chứ không phải là dụng cụ để nhà nước kiểm soát.

Chúng tôi thử đưa ra ví dụ minh hoạ ý nghĩa của các quy tắc này.

Tưởng tượng một thành phố có năm nhóm tôn giáo khác nhau. Cả năm đều có nơi thờ tự và tất cả cũng gây ồn giống nhau làm phiền hàng xóm! Nhưng cảnh sát chỉ nhận sự than phiền về một nhóm nhỏ, không được ưa thích...

Ồn ào quá độ không tốt cho sức khỏe, và sức khỏe công cộng là điều chính đáng để có thể phải giới hạn. Như vậy chính quyền địa phương phải làm gì? Điều chỉnh thế nào là cần thiết, không phân biệt đối xử và cân xứng để bảo vệ sức khỏe công cộng?

Trong trường hợp này, một điều luật tổng quát điều chỉnh âm độ cho tất cả các cuộc hội họp công cộng là phương pháp thích hợp. Một điều luật áp dụng cân bằng cho tất cả các nhóm tôn giáo và cho mọi người khác. Nếu có nhóm nào vượt quá âm lượng, việc cân xứng là phải yêu sách họ vặn nhỏ hay phải trả tiền phạt. Chứ đòi hỏi phải im lặng hoàn toàn hay là cấm họ không được cùng nhau hội họp là điều bất xứng!

Và cảnh sát bắt mọi người phải chấp nhận luật pháp ngang nhau, dù chỉ nhận sự than phiền về một nhóm không được ưa thích.

Đây là chuyện nhỏ, một ví dụ đơn giản.

Khi chúng ta nhìn vào các vi phạm to lớn về tự do tôn giáo hay tín ngưỡng, sẽ dễ dàng thấy rằng các điều luật này đã bị bỏ lơ, vì rõ ràng những giới hạn này không cần thiết, có sự phân biệt đối xử hay không cân xứng.

Một số quốc gia cấm mọi sinh hoạt tôn giáo ngoài nơi đăng ký hoạt động. Điều này biến thành bất hợp pháp khi dâng lời cảm tạ đối với khách trước khi ăn tối tại nhà mình! Sự giới hạn này rõ ràng là không chính đáng.

Nhưng có hàng loạt những trường hợp có thể gây tranh cãi. Có thể chấp nhận việc một thị trường ở Pháp cấm mặc áo tắm burkini – loại áo tắm che khắp thân trừ mặt và chân hay không? Hay chính quyền ở một số địa phương bên Ấn Độ giới hạn quyền nói với người khác về tín ngưỡng của mình?

Trong bài trình bày này chúng ta cùng xem xét bảy câu hỏi ngắn cần đặt ra để xác định những giới hạn nào chính đáng. Hy vọng sẽ giúp các bạn hiểu sâu các giới hạn mà bạn gặp phải.

**Khi một nhà nước đặt để các giới hạn, câu hỏi thứ nhất là: phải chăng sự giới hạn can thiệp vào quyền tuyệt đối được có hay theo một tôn giáo hay tín ngưỡng, hoặc vào quyền bày tỏ tôn giáo.**

Nếu quyền tuyệt đối bị giới hạn, thì cách hành xử của nhà nước không chính đáng. Nhưng nếu sự bày tỏ bị giới hạn, chúng ta bước sang câu hỏi tiếp.

### **Có phải cách ứng xử bị giới hạn thực sự việc bày tỏ tôn giáo hay tín ngưỡng, hay chỉ là một cách ứng xử?**

Chuyện chúng ta làm thường do tín ngưỡng hướng dẫn. Nhưng đâu phải mọi sự chúng ta làm là một bày tỏ tôn giáo hay tín ngưỡng. Khi có người than phiền quyền bày tỏ của họ bị giới hạn, các toà án bắt đầu quyết định xem cách hành xử đó có phải là bày tỏ tôn giáo hay tín ngưỡng. Họ xem xét mối quan hệ giữa cách hành xử và tín ngưỡng có liên hệ mật thiết với nhau chăng.

Nhiều khi dễ dàng. Đi nhà thờ liên hệ mật thiết với Thiên chúa giáo, và ăn chay liên hệ mật thiết với Hồi giáo.

Nhưng không phải lúc nào cũng đơn giản. Đối với một người Thiên chúa giáo đeo thánh giá không phải là điều quan trọng, nhưng đối với người khác, đây là biểu tỏ thâm thiết với bản sắc tôn giáo. Và phụ nữ Hồi giáo có tín ngưỡng khác về trang phục che đầu.

Quyết định xem tín ngưỡng nào đúng không phải là vai trò của toà án. Khẳng quyết ăn nói như thế nào là bày tỏ tôn giáo, các toà án đối diện nguy cơ phán xét những học thuyết, khiến cho một số diễn giải thần học được ưu đãi hơn những thần học khác. Nhân quyền đặt nặng trên cá nhân, cho nên các toà án càng nhìn tín ngưỡng của cá nhân hơn là học thuyết thông lệ. Họ lý luận rằng, nếu người đó xem hành động của mình là một bày tỏ tôn giáo thì tất nhiên nó phải như vậy.

### **Một khi chúng ta củng cố rằng cuộc bày tỏ bảo vệ bị giới hạn, chúng ta cần kiểm soát xem sự giới hạn có quy định theo luật pháp hay không.**

Có chăng một luật đã thành văn, luật phán lệ, hay luật thông thường điều chỉnh sự giới hạn? Hay do các viên chức áp đặt không căn cứ trên pháp luật? Nếu chẳng có căn bản pháp lý, sự giới hạn trở nên không chính đáng.

**Bước tiếp theo là đánh giá xem sự giới hạn có cần thiết cho sự bảo vệ nền tảng pháp lý.** Để trả lời câu hỏi này, trước hết chúng ta cần kiểm soát xem mối liên hệ trực tiếp giữa các sự thực hành bị giới hạn và một trong những động cơ chính đáng. Kế đến kiểm soát xem sự giới hạn có cần thiết hay không? Hãy xem xét từng câu hỏi một.

Theo luật quốc tế, động cơ chính đáng duy nhất để giới hạn quyền tự do tôn giáo hay tín ngưỡng là để bảo vệ sự an toàn công cộng, trật tự công cộng, sức khoẻ hay đạo đức, hay các quyền và tự do cho người khác.

Như vậy, cách ứng xử bị giới hạn có đe dọa các động cơ này chẳng? Và có bằng chứng gì không?

Nhà nước cần chứng minh **mối liên hệ trực tiếp** giữa các thực hành bị giới hạn và một trong những động cơ chính đáng này.

Chế độ đẳng cấp của người Hindu chia dân chúng làm hai đẳng cấp cao và thấp và những nhóm phi đẳng cấp. Các nhóm phi đẳng cấp bị phân biệt đối xử khủng khiếp, chịu bất lợi trên lĩnh vực kinh tế và xã hội. Ngày xưa, một số đền điện cấm giới Hindu phi đẳng cấp bước vào. Ấn Độ bãi bỏ chế độ đẳng cấp năm 1949, nên các đền điện không còn được phép cấm giới Hindu phi đẳng cấp vào. Giới hạn này thông qua cuộc xét nghiệm – có mối liên hệ rõ ràng và trực tiếp giữa ngăn ngừa phân biệt đối xử đẳng cấp và bảo vệ các quyền và tự do của người khác.

Nhưng không phải các giới hạn có mối liên hệ rõ ràng như thế, và đôi khi các chính quyền bóp méo hay lạm dụng các động cơ chính đáng.

Nhiều khi giới hạn tự do tôn giáo hay tín ngưỡng liên hệ với **trật tự công cộng**. Các điều luật về trật tự công cộng điều chỉnh rất nhiều chuyện, kể cả đe dọa, tấn công, xúi giục bạo động và nhiều khi lăng mạ.

Tự do bày tỏ tôn giáo hay tín ngưỡng tất nhiên bao gồm quyền nói những điều mình tin là sự thật. Hiển nhiên tín ngưỡng có thể biểu đạt ôn hoà hay theo cách xúi giục bạo động. Buồn thay có số người cảm thấy bị quá xúc phạm trước cách biểu đạt ôn hoà tín ngưỡng khác với tín ngưỡng của mình, khiến họ phản ứng một cách bạo động.

Một số quốc gia cấm biểu đạt ôn hoà một số tín ngưỡng, lấy cớ rằng họ có động cơ chính đáng là bảo vệ trật tự công cộng, vì lo sợ đám đông bạo động. Trên cơ sở này, Indonesia cấm người Ahmadi hay những người theo tín ngưỡng vô thần biểu đạt công khai. Kết quả là, nhiều khi chính những nạn nhân của bạo động bị kết án lăng mạ hay xúi giục, thay vì kết tội những thủ phạm tấn công.

Các luật như thế không giảm thiểu bạo động. Ngược lại, họ tăng cường ý kiến kẻ nào theo tín ngưỡng “sai lạc” phải bị trừng phạt.

**Đạo đức công cộng** là một động cơ khác mà sự áp dụng khá mơ hồ. Mọi người có phải theo cùng một đạo đức chẳng và đạo đức của ai là “công cộng”? Các chuyên gia LHQ nói rằng định nghĩa đạo đức công cộng đến từ “nhiều truyền thống xã hội, triết học và tôn giáo”. Nói cách khác, không thể căn cứ sự giới hạn trên đạo đức của số đông mà thôi.

Có thể bạn sẽ ngạc nhiên khi biết rằng **an ninh quốc gia** không phải là lý do chính đáng để giới hạn tự do tôn giáo hay tín ngưỡng.

Một số chính quyền gán tiếng xấu cho các nhóm, đặc biệt các nhóm theo tôn giáo của quốc gia thù địch, tố cáo họ đe dọa an ninh quốc gia. Những người biên soạn Công ước đồng ý rằng sức khỏe, an toàn và trật tự công cộng quá đủ cho việc giới hạn, và rằng thêm an ninh quốc gia sẽ có nguy cơ gây cho tự do tôn giáo hay tín ngưỡng khó áp dụng vào lúc người ta cần tự do ấy hơn cả.

Như vậy chúng ta đã củng cố việc nhà nước cần chứng minh **mối liên hệ trực tiếp**, bằng cách chỉ ra làm sao các thực hành bị giới hạn sẽ đe dọa động cơ chính đáng. Chúng ta cũng thấy điều quan trọng phải kiểm soát việc những động cơ chính đáng được diễn giải và áp dụng đúng cách.

**Hãy bước qua phần hai các câu hỏi của chúng ta – giới hạn có cần thiết không?** Chẳng phải vì bối cảnh chính trị hay vì số đông, nhưng là điều cần thiết.

Hãy giả dụ rằng chính quyền đã chứng minh mối liên hệ trực tiếp giữa giới hạn họ đề xuất và sự bảo vệ các quyền và tự do của người khác.

*Sự đe dọa có đủ nghiêm trọng để thúc đẩy sự giới hạn không?*

*Sự giới hạn đề xuất có hữu hiệu cho việc bảo vệ các quyền của người khác không?*

*Cuối cùng, có cách nào khác giải quyết vấn đề mà không cần tới sự giới hạn quyền con người ?*

Nếu vấn đề không có gì nghiêm trọng, nếu sự giới hạn đề nghị không đóng góp giải quyết hay nếu có phương cách khác giải quyết mà chẳng cần giới hạn quyền con người, thì chẳng cần thiết phải giới hạn.

Chính quyền Trung quốc tuyên bố quan tâm đến sức khỏe và sự an toàn của các trung tâm luyện tập Phật giáo quá đông đảo. Sức khỏe và an toàn là động cơ chính đáng. Một giải pháp khả thi là giúp các trung tâm mở rộng và phát

triển. Giải pháp này không giới hạn các quyền. Thay vì thế, chính quyền phá huỷ toàn vùng và cưỡng bức 1000 Ni phải bỏ chùa. Phương sách này không cần thiết.

Đương nhiên, một số giới hạn được xem là cần thiết. Liên Hiệp Quốc từng tuyên bố rõ ràng các thực hành truyền thống gây hại cần phải cấm, như một số nghi lễ kết nạp và cắt âm vật phụ nữ.

Đương nhiên, cũng có nhiều trường hợp không rõ ràng. Nhưng nghĩa vụ chứng minh giới hạn là cần thiết nằm trên vai của nhà nước.

**Khi chúng ta củng cố rằng nhà nước có những động cơ chính đáng và giới hạn là cần thiết, chúng ta cần kiểm soát sự giới hạn ấy có nảy sinh từ phân biệt đối xử hay không.**

Bạn có thể nghĩ rằng thật dễ dàng để thấy luật pháp, chính sách hay thực hành có phân biệt đối xử hay không. Và nếu luật pháp, chính sách hay thực hành áp dụng rõ ràng cho một số người này mà không áp dụng cho người khác thì chắc chắn là phân biệt đối xử. Điều này gọi là phân biệt đối xử trực tiếp và phải cấm đoán.

Nhưng đôi khi có những luật áp dụng cho mọi người lại gây nhiều khó khăn cho một số người, nhưng không tác động người khác. Đây gọi là phân biệt đối xử gián tiếp.

Chúng ta hãy quay lại thành phố trong tưởng tượng với sự ồn ào nơi thờ tự. Hội đồng thành phố đã ban hành sắc luật giới hạn âm lượng nơi công cộng và các cộng đồng tôn giáo đã điều chỉnh âm độ của loa theo hạn định. Nhưng chuông nhà thờ vang quá lớn, khó làm sao giảm thiểu âm độ. Nhà thờ phải huỷ bỏ kéo chuông truyền thống này, trong khi các cộng đồng khác chẳng có vấn đề.

Đây là phân biệt đối xử gián tiếp.

Còn có rất nhiều ví dụ cho những luật lệ chung theo cách phân biệt đối xử gián tiếp.

Nhiều quốc gia cấm không được mang dao nơi công cộng. Điều này chẳng có ảnh hưởng với các nhóm tôn giáo hay tín ngưỡng, ngoại trừ giới người Sikhs. Đàn ông Sikhs bó buộc phải đeo Kirpan, một loại dao lễ phục, dưới áo sơ mi. Như vậy luật đã giới hạn khả năng người đàn ông Sikks thi hành nghĩa vụ tôn giáo họ.

Những điều lệ trong một số quốc gia liên quan đến việc xây cất nhà cửa mới, cần được người chủ hàng xóm chấp thuận. Nhưng người hàng xóm có thể có thiên kiến. Do vậy, những nhóm người truyền thống dễ được phép xây cất hơn các nhóm không ai biết và không thuộc truyền thống.

Chính sách và thực hành có thể tạo thành vấn đề. Nếu một trường đại học luôn tổ chức thi nhập học vào ngày thứ Bảy, thì những tín đồ Adventists và Do Thái giáo tuân thủ đạo bị thiệt thòi. Nhiều khi các công nhân thuộc nhóm tôn giáo thiểu số bắt phải lấy ngày nghỉ trùng với ngày lễ của các tôn giáo đa số, thay vì được phép nghỉ theo lễ của tôn giáo của họ.

Phân biệt đối xử trực tiếp luôn luôn bị cấm. Tuy nhiên, các toà án lẽ ra phải xem sự phân biệt đối xử gián tiếp như một vấn đề thực dụng cần giải quyết khi có thể. Và lắm khi các giải pháp đơn giản dễ được tìm thấy. Trong thành phố tưởng tượng của chúng ta, hội đồng thành phố đã có thể chấp nhận một biệt lệ cho phép nhà thờ kéo chuông ngày chủ nhật và những dịp có lễ hội tôn giáo.

Tại Thụy Điển, thi nhập học vào đại học luôn diễn ra vào ngày thứ Bảy. Ngày nay cũng diễn ra ngày thứ Sáu. Và đồng phục nơi lao động có thể thích nghi theo, để chấp nhận trang phục khác biệt như khăn xếp.

Nhưng các toà án thừa nhận không phải lúc nào cũng có thể giải quyết. Phân biệt đối xử gián tiếp có thể trở thành hợp pháp, nếu chứng minh có một động cơ chính đáng – một biện giải khách quan.

Ví dụ, chính sách kiểm soát nhiễm trùng ở bệnh viện đưa tới việc cấm nhân viên đeo đồ trang sức gây bất lợi cho một số nhóm. Điều này minh chứng cho sự bảo vệ sức khoẻ công cộng.

Đương nhiên sức khoẻ công cộng là động cơ chính đáng để giới hạn tự do tôn giáo hay tín ngưỡng. Nhưng liên hệ với phân biệt đối xử gián tiếp, các toà án cũng chấp thuận các động cơ khác. Ví dụ, một công ty có thể biện bác sự thay đổi chính sách sẽ gây hại cho quyền lợi công ty. Một tiệm bán áo quần bó buộc người bán hàng mặc áo quần do họ sản xuất có lẽ sẽ không thu dụng một người bán hàng từ chối mặc áo quần do hãng sản xuất vì động cơ tôn giáo.

Như thế trong khi phân biệt đối xử trực tiếp bị cấm, thì phân biệt đối xử gián tiếp cũng phải tránh tối đa, bằng cách tìm phương cách phải chăng phù hợp với nhu cầu của cá nhân hay nhóm.

**Một khi chúng ta cũng cố sự giới hạn không vì phân biệt đối xử, chúng ta cần quyết định xem điều đó có cân xứng chăng.**

Ở mức độ nào sự bày tỏ có thể bị giới hạn? Điều gì phải ngăn cấm, cho ai, lúc nào và ở đâu?

Có sự khác biệt rất lớn giữa ngăn cấm loại y phục tôn giáo đặc biệt cho một số nghề nghiệp đặc biệt tại nơi lao động đặc biệt, và ngăn cấm tất cả mọi người mặc y phục tôn giáo ngoài đường!

Cho nên các toà án quốc tế chú ý vào sự cân xứng của sự giới hạn. Các toà án ở Hoa Kỳ áp dụng một sự kiểm tra nghiêm ngặt hơn – các giới hạn phải áp dụng theo cách hạn định ít nhất có thể.

**Một khía cạnh cuối cùng mà một số toà án lưu tâm là sự khác biệt trong phạm vi cho phép.** Thế giới đa dạng và các nguyên tắc nhân quyền có thể thực hành bằng nhiều cách, căn cứ trên bối cảnh quốc gia.

Do đó, một số toà án quốc tế áp dụng “sự khác biệt trong phạm vi cho phép” có nghĩa là nhà cầm quyền quốc gia thông hiểu bối cảnh quốc gia mình hơn ai hết và có hiểu biết hơn ai hết để soạn ra luật quốc gia, cho nên các toà án quốc tế chấp nhận sự khác biệt ở mức độ cho phép.


Vấn đề là sự khác biệt dành cho các quốc gia có thể chấp nhận đến mức độ nào? Và các toà án cho phép sự khác biệt này lớn quá hay không? Đây là chủ đề cho một cuộc thảo luận quan trọng !

### **Tóm tắt:**

Để xem sự giới hạn có thể cho phép hay không, chúng ta theo các bước sau đây:

- i. Quyết định xem một điều luật giới hạn quyền tuyệt đối, có hay thay đổi tôn giáo hay tín ngưỡng của bạn, hay giới hạn sự bày tỏ.
- ii. Xác định xem cách hành xử bị giới hạn có phải là quyền bày tỏ được bảo vệ hay không.
- iii. Kiểm soát xem sự giới hạn có đặt trên căn bản pháp lý hay không.
- iv. Xác định xem tới mức độ nào sự bày tỏ đe dọa một trong những động cơ chính đáng, như các quyền và tự do của người khác.





v. Kiểm soát xem sự giới hạn có nảy sinh từ phân biệt đối xử trực tiếp hay gián tiếp.

vi. Cuối cùng, xem xét sự giới hạn có cân xứng với sự đe dọa đặt ra và sẽ tác động hữu hiệu để giải quyết.

Khi chúng ta hiểu những lý lẽ các toà án phải sử dụng để tuân thủ nhân quyền, chúng ta có thể yêu sách các quyền của mình hữu hiệu hơn. Chúng ta còn có thể đóng góp đầy đủ hơn cho cuộc tranh luận công cộng về các toà án và chính quyền có lý hay thực tế họ đang vi phạm quyền tự do tôn giáo hay tín ngưỡng.

Bản quyền SMC 2008



